BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06/2019/TT-BKHĐT	*Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2019*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn quy chế tổ chức và hoạt động của mạng lưới tư vấn viên, hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua mạng lưới tư vấn viên

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát triển doanh nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư hướng dẫn quy chế tổ chức và hoạt động của mạng lưới tư vấn viên, hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua mạng lưới tư vấn viên.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn việc tổ chức và hoạt động của mạng lưới tư vấn viên; hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua mạng lưới tư vấn viên theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng áp dụng theo quy định tại Điều 2, Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Thông tư này không áp dụng đối với các nội dung hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị quy định tại Chương IV, Nghị định số 39/2018/NĐ-CP

ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Việc hỗ trợ tư vấn cho các doanh nghiệp này thực hiện theo Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Các hoạt động tổ chức mạng lưới tư vấn viên và hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua mạng lưới tư vấn viên

Mạng lưới tư vấn viên được xây dựng, tổ chức theo quy định tại Điều 13 Nghị định 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; bao gồm các hoạt động sau:

1. Tổ chức mạng lưới tư vấn viên:

a) Xây dựng tiêu chí và công nhận tổ chức, cá nhân thuộc mạng lưới tư vấn viên.

b) Công bố mạng lưới tư vấn viên.

c) Quản lý, giám sát, đánh giá hoạt động của mạng lưới tư vấn viên.

2. Tổ chức hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa:

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa lựa chọn tổ chức, cá nhân tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên.

b) Tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ tư vấn.

c) Phê duyệt hỗ trợ tư vấn.

c) Quản lý, giám sát, đánh giá thực hiện hoạt động tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 4. Xây dựng tiêu chí, công nhận tổ chức, cá nhân thuộc mạng lưới tư vấn viên và công bố thông tin về mạng lưới tư vấn viên

1. Việc xây dựng tiêu chí và công nhận tổ chức, cá nhân thuộc mạng lưới tư vấn viên thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Điều 13 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ xây dựng các phần mềm trực tuyến để tổ chức, cá nhân đủ điều kiện đăng ký và được công nhận tự động vào mạng lưới tư vấn viên.

2. Thông tin về mạng lưới tư vấn viên bao gồm: tên tổ chức, cá nhân tư vấn; số đăng ký và hồ sơ năng lực của tư vấn viên (theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này) được công bố trên trang thông tin điện tử của các Bộ, cơ quan ngang Bộ có mạng lưới tư vấn viên và Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ

doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Khoản 4, Điều 13 và Điểm c, Khoản 4, Điều 25 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 5. Doanh nghiệp nhỏ và vừa lựa chọn tổ chức, cá nhân thuộc mạng lưới tư vấn viên

1. Trên cơ sở thông tin về mạng lưới tư vấn viên đăng tải tại Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, trang thông tin điện tử của Bộ, cơ quan ngang Bộ, doanh nghiệp nhỏ và vừa lựa chọn, tiếp cận, thương thảo, ký kết biên bản thỏa thuận dịch vụ tư vấn với cá nhân, tổ chức thuộc mạng lưới tư vấn viên (sau đây gọi tắt là Biên bản thỏa thuận dịch vụ tư vấn).

2. Biên bản thỏa thuận dịch vụ tư vấn bao gồm các nội dung sau:

a) Tên và thông tin liên lạc của doanh nghiệp nhỏ và vừa; cá nhân, tổ chức tư vấn.

b) Nội dung tư vấn, phạm vi tư vấn.

c) Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên tham gia Biên bản thỏa thuận dịch vụ tư vấn.

d) Thời hạn, tiến độ thực hiện dịch vụ tư vấn.

đ) Phí dịch vụ và phương thức thanh toán: trong đó nêu rõ số tiền miễn, giảm phí tư vấn đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

e) Kết quả dự kiến đạt được của dịch vụ tư vấn.

g) Các thỏa thuận khác liên quan đến dịch vụ tư vấn.

Điều 6. Tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ tư vấn

1. Căn cứ nhiệm vụ và kinh phí hỗ trợ tư vấn được giao, cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND cấp tỉnh (sau đây gọi chung là đơn vị hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa) hướng dẫn và tổ chức tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ tư vấn của doanh nghiệp nhỏ và vừa. Các nội dung về đối tượng, thời gian và địa điểm tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ tư vấn phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và Cổng Thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Doanh nghiệp nhỏ và vừa nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ tư vấn theo hướng dẫn của đơn vị hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, đồng thời kê khai về các khoản hỗ trợ tư vấn đã được nhận trong năm đề nghị hỗ trợ. Doanh nghiệp nhỏ và vừa chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, đầy đủ cơ sở pháp lý của hồ sơ kê khai.

3. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ tư vấn thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 13 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 7. Phê duyệt hỗ trợ tư vấn

1. Đơn vị hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa có trách nhiệm xem xét, phê duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ tư vấn trên cơ sở các tiêu chí sau:

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng tiêu chí quy định tại Điều 6 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

b) Tổ chức, cá nhân tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên.

c) Kinh phí đề xuất phù hợp với mức hỗ trợ quy định tại Điều 13 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

d) Nội dung Biên bản thỏa thuận dịch vụ tư vấn tuân thủ quy định, phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp.

2. Quyết định phê duyệt hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nêu rõ mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ, số tiền miễn, giảm phí tư vấn của hợp đồng tư vấn.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt hỗ trợ tư vấn, đơn vị hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện công bố thông tin về việc hỗ trợ tư vấn trên trang thông tin điện tử của mình và Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 Thông tư này).

4. Trên cơ sở quyết định phê duyệt hỗ trợ tư vấn, doanh nghiệp nhỏ và vừa tiến hành ký kết, tổ chức thực hiện, nghiệm thu, thanh lý và thanh toán toàn bộ chi phí hợp đồng tư vấn; đồng thời đề nghị đơn vị hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hoàn trả số tiền được miễn, giảm phí tư vấn theo quyết định phê duyệt.

5. Đơn vị hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tổ chức quản lý và lưu trữ theo quy định hiện hành các hồ sơ, chứng từ liên quan theo từng hợp đồng tư vấn để làm cơ sở cho việc thanh, quyết toán, kiểm tra, giám sát. Hồ sơ bao gồm (bản chính hoặc bản sao y): Hồ sơ đề nghị hỗ trợ tư vấn; Quyết định phê duyệt hỗ trợ tư vấn; Hợp đồng tư vấn và biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng tư vấn; các hóa đơn, chứng từ tài chính liên quan.

Điều 8. Quản lý, giám sát, đánh giá hoạt động của mạng lưới tư vấn viên, hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua mạng lưới tư vấn viên

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ giao đơn vị đầu mối thực hiện quản lý, giám sát, đánh giá về tổ chức và hoạt động của mạng lưới tư vấn viên các ngành, lĩnh vực phụ trách theo quy định tại Điểm c, Khoản 4, Điều 25 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Hàng năm, đơn vị đầu mối thực hiện rà soát, đánh giá hoạt động của mạng lưới tư vấn viên; đưa ra khỏi mạng lưới các tổ chức, cá nhân tư vấn có hành vi vi phạm pháp luật hoặc tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện hành vi vi phạm pháp luật; đồng thời công bố công khai trên trang điện tử của Bộ, cơ quan ngang Bộ, Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Thông tư này).

3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND cấp tỉnh giao nhiệm vụ cho đơn vị hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa lập kế hoạch, tổ chức thực hiện hỗ trợ tư vấn và quản lý, giám sát, đánh giá việc hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa qua mạng lưới tư vấn viên.

4. Trường hợp phát hiện doanh nghiệp nhỏ và vừa hoặc tổ chức, cá nhân tư vấn có hành vi vi phạm pháp luật hoặc thỏa thuận ký kết hợp đồng không trung thực nhằm mục đích chiếm đoạt phần hỗ trợ của nhà nước, đơn vị hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa gửi thông báo cho đơn vị đầu mối để đưa tổ chức, cá nhân ra khỏi mạng lưới tư vấn viên; xử lý theo quy định và công khai thông tin trên trang thông tin điện tử của mình; đồng thời thông báo cho Bộ Kế hoạch Đầu tư (theo mẫu quy định tại Phụ lục 4) để theo dõi, tổng hợp và công khai trên Cổng Thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 9. Báo cáo tình hình hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa qua mạng lưới tư vấn viên

Các Bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh tổng hợp tình hình hoạt động của mạng lưới tư vấn viên và thực hiện hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa qua mạng lưới tư vấn viên (theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 kèm theo Thông tư này), gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp chung trong báo cáo tình hình thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại khoản 1 Điều 22 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 5 năm 2019.

2. Trong trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này hết hiệu lực và được thay thế bằng văn bản khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản thay thế.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện Thông tư này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để nghiên cứu, giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng

Phụ lục 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2019/TT-BKHĐT ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Bộ/Cơ quan ngang Bộ:
Đơn vị đầu mối:

THÔNG TIN CÁ NHÂN TƯ VẤN THUỘC MẠNG LƯỚI TƯ VẤN VIÊN

(Dùng để công bố trên trang thông tin điện tử và Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ DNNVV)

Số đăng ký	Họ và tên cá nhân tư vấn	Thông tin liên hệ (*)	Chức danh, trình độ	Các chứng chỉ, bằng cấp	Lĩnh vực, ngành nghề tư vấn	Kinh nghiệm tư vấn (**)	Ghi chú

Ghi chú: (*) Ghi rõ địa chỉ, điện thoại, email.

(**) Ghi rõ số năm kinh nghiệm, số hợp đồng/số giờ tư vấn đã thực hiện.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Xác nhận của đơn vị đầu mối

(Ký, họ tên, chức danh và đóng dấu)

Phụ lục 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2019/TT-BKHĐT ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Bộ/Cơ quan ngang Bộ:
Đơn vị đầu mối:

THÔNG TIN TỔ CHỨC TƯ VẤN THUỘC MẠNG LƯỚI TƯ VẤN VIÊN

(Dùng để công bố trên trang thông tin điện tử và Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ DNNVV)

Số đăng ký	Tên tổ chức	Thông tin liên hệ (*)	Danh sách các tư vấn cá nhân thuộc tổ chức (**)	Lĩnh vực, ngành nghề tư vấn	Kinh nghiệm tư vấn (***)	Ghi chú

Ghi chú: (*) Ghi rõ địa chỉ trụ sở, điện thoại, email.

(**) Ghi rõ họ tên, chức danh, trình độ, chứng chỉ, bằng cấp của cá nhân.

(***) Ghi rõ số hợp đồng/số giờ tư vấn tổ chức đã thực hiện.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Xác nhận của đơn vị đầu mối

(Ký, họ tên, chức danh và đóng dấu)

Phụ lục 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2019/TT-BKHĐT ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị hỗ trợ DNNVV:

THÔNG TIN PHÊ DUYỆT HỖ TRỢ TƯ VẤN

(Dùng để công bố trên trang thông tin điện tử và Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ DNNVV)

STT	Tên DNNVV	Cá nhân/ Tổ chức tư vấn	Nội dung thỏa thuận dịch vụ tư vấn	Quyết định phê duyệt hỗ trợ tư vấn (*)	Ghi chú

Ghi chú: (*) Ghi rõ mức hỗ trợ, số tiền miễn, giảm, thời gian hỗ trợ.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên, chức danh và đóng dấu)

Phụ lục 4

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2019/TT-BKHĐT ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị hỗ trợ DNNVV:

THÔNG TIN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN TƯ VẤN CÓ HÀNH VI VI PHẠM

(Dùng để công bố trên trang thông tin điện tử và Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ DNNVV)

STT	Cá nhân/Tổ chức tư vấn	Thông tin liên hệ (*)	Lĩnh vực, ngành nghề tư vấn	Hành vi vi phạm	Ghi chú

Ghi chú: (*) Ghi rõ Địa chỉ, điện thoại, email.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên, chức danh và đóng dấu)

Phụ lục 5

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2019/TT-BKHĐT ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

CƠ QUAN/ĐƠN VỊ.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HỖ TRỢ TƯ VẤN CHO DNNVV NĂM 20...
VÀ KẾ HOẠCH HỖ TRỢ TƯ VẤN CHO DNNVV NĂM 20...

(Dành cho Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND cấp tỉnh, cơ quan hỗ trợ DNNVV)

1. Đánh giá tình hình thực hiện hỗ trợ tư vấn cho DNNVV năm..... (năm trước năm kế hoạch):

- Tóm tắt tình hình triển khai thực hiện: Đánh giá thuận lợi, khó khăn, kết quả đạt được:

+ Số DNNVV được hỗ trợ tư vấn:

+ Số hợp đồng tư vấn được hỗ trợ:

+ Lĩnh vực hỗ trợ:

+ Địa bàn hỗ trợ:

+ Kinh phí hỗ trợ: (phân chia theo các nguồn: NSNN, huy động tài trợ...).

(Ghi chú: kèm bảng kê chi tiết các trường hợp được nhận hỗ trợ tư vấn)

- Đánh giá hoạt động hỗ trợ tư vấn cho DNNVV: công tác tư vấn của cá nhân tư vấn, mạng lưới tư vấn, mức độ áp dụng giải pháp của DNNVV

- Đề xuất, kiến nghị và các nội dung khác (nếu có).

2. Kế hoạch thực hiện hỗ trợ tư vấn năm... (năm kế hoạch)

a) Nhu cầu hỗ trợ tư vấn của DNNVV thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý.

b) Kế hoạch hỗ trợ tư vấn: (Thuyết minh cụ thể về đối tượng, lĩnh vực, thời gian, địa điểm, số lượng DNNVV, số lượng hợp đồng, mức hỗ trợ trung bình/hợp đồng... dự kiến thực hiện)

c) Tổ chức thực hiện

- Các đơn vị được giao triển khai nhiệm vụ (thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND tỉnh).

- Phương thức triển khai (trong đó nêu rõ hình thức thực hiện, cách thức phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan).

- Các biện pháp khắc phục những khó khăn trong quá trình triển khai.

....., ngày..... tháng..... năm....

Thủ trưởng cơ quan

(Ký, họ tên, đóng dấu cơ quan)